|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use Case | Mua Hàng |
| Tác nhân chính | Khách hàng |
| Mô tả ngắn gọn | Khách hàng thực hiện mua hàng tại cửa hàng. Nhân viên tiến hành bán sản phẩm và xử lý thanh toán. |
| Dòng cơ bản | 1. UC bắt đầu khi khách hàng đến mua hàng. 2. KH đem sản phẩm đưa cho nhân viên. 3. NV quầy thanh toán yêu cầu số điện thoại mua hàng tích điểm của KH. 4. Tại quầy nhân viên thu ngân sẽ tiến hành tính tiền cho KH 5. KH thực hiện thanh toán hóa đơn. 6. NV quầy thanh toán lưu hóa đơn vào hệ thống và in một bản sao cho KH. 7. KH kiểm tra lại hóa đơn. 8. Đưa hàng cho KH. |
| Dòng thay thế | Nếu KH chưa có thẻ thành viên thì NV quầy thanh toán tiến hành lập thẻ thành viên cho KH theo sdt mua hàng.  Nếu KH không muốn lập thẻ thành viên thì loại KH khi xuất hóa đơn là khách lẻ. |

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use Case | Thanh toán |
| Tác nhân chính | Khách hàng |
| Mô tả ngắn gọn | Khách hàng thực hiện quá trình thanh toán cho đơn hàng sau khi chọn xong sản phẩm. |
| Dòng cơ bản | 1. Use Case bắt đầu khi khách hàng quyết định mua sản phẩm. 2. Nhân viên yêu cầu khách hàng chọn phương thức thanh toán. 3. Khách hàng lựa chọn giữa thanh toán tiền mặt hoặc chuyển khoản. 4. Nhân viên xác nhận thanh toán và hoàn thành quá trình thanh toán. |
| Dòng thay thế | Nếu khách hàng không có đủ tiền mặt, chuyển sang lựa chọn phương thức thanh toán chuyển khoản. |

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use Case | Thanh toán tiền mặt |
| Tác nhân chính | Khách hàng |
| Mô tả ngắn gọn | Khách hàng thanh toán đơn hàng bằng tiền mặt. |
| Dòng cơ bản | 1. Khách hàng chọn thanh toán tiền mặt. 2. Nhân viên quầy thu ngân nhập số tiền khách hàng đưa. 3. Nhân viên tính tổng hóa đơn và thông báo số tiền thừa nếu có. 4. Khách hàng nhận lại tiền thừa và hóa đơn. 5. Hóa đơn được lưu vào hệ thống. |
| Dòng thay thế | Nếu khách hàng đưa không đủ tiền, nhân viên yêu cầu bổ sung thêm hoặc chuyển sang phương thức khác. |

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use Case | Thanh toán chuyển khoản |
| Tác nhân chính | Khách hàng |
| Mô tả ngắn gọn | Khách hàng thanh toán đơn hàng qua hình thức chuyển khoản ngân hàng. |
| Dòng cơ bản | 1. Khách hàng chọn thanh toán chuyển khoản. 2. Nhân viên cung cấp thông tin tài khoản ngân hàng để khách hàng thực hiện chuyển khoản.Khách hàng tiến hành chuyển tiền và cung cấp xác nhận giao dịch cho nhân viên. 3. Nhân viên xác nhận đã nhận được tiền và in hóa đơn. 4. Hóa đơn được lưu vào hệ thống. |
| Dòng thay thế | Nếu khách hàng đưa không đủ tiền, nhân viên yêu cầu bổ sung thêm hoặc chuyển sang phương thức khác. |

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Use Case | Quản lý kho |
| Tác nhân chính | Nhân viên kho |
| Mô tả ngắn gọn | Nhân viên quản lý hàng hóa trong kho, bao gồm nhập xuất và kiểm kê hàng hóa. |
| Dòng cơ bản | 1. Nhân viên bắt đầu Use Case khi có lệnh nhập/xuất hàng. 2. Nhân viên kiểm tra số lượng và chất lượng hàng hóa trong kho. 3. Nhân viên cập nhật thông tin hàng hóa vào hệ thống. 4. Nhân viên xác nhận và hoàn thành việc quản lý kho. |
| Dòng thay thế | Nếu phát hiện sự cố về số lượng hoặc chất lượng hàng, nhân viên sẽ báo cáo cho quản lý để xử lý. |